TOÀ ÁN NHÂN DÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thức

2. Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoài N; sinh năm 1991. Địa chỉ: 123 T S, phường H T T, quận C L thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Như T**; s**inh năm 1985. Địa chỉ: 125 T S, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Như T kết hôn với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H T T, quận C L, thành phố Đà

Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng nhau về chung sống tại 123 T S, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng.Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và hay có lời qua tiến lại, hiện bà và ông T đã ly thân từ năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Nguyễn Như T.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Nguyễn Như T có 01 con chung tên là: Nguyễn Thị Bảo N; sinh ngày 02/ 11/2014. Ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Thị Bảo N cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 6 năm 2020 bị đơn ông Nguyễn Như T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà N trình bày là đúng. Quá trình hòa giải, ông T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến việc bà N phải ly hôn nên ông xin được đoàn tụ vì ông còn yêu thương vợ con.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Bảo N; sinh ngày 02 /11/2014 như bà N trình bày là đúng. Vì không đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết con chung theo quy định của pháp luật

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Như T vắng mặt tại phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị

HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoài N, cho bà Nguyễn Hoài N ly hôn ông Nguyễn Như T; giao con chung Nguyễn Thị Bảo N - Sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014 cho bà N nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Như T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoài Nhi và ông Nguyễn Như T kết hôn với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn, hai vợ về chung sống tại 123 T , quận C L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, hay cãi vã nhau lời qua tiến lại, bà N và ông T đã ly thân từ năm 2017 đến nay mỗi người một nơi không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N cho rằng bà không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Xét thấy theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng giữa vợ chồng bà N và ông T đều không thực hiện được điều đó. Bà N khẳng định không còn yêu thương ông T và cũng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Thắng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí muốn hàn gắn cuộc sống gia đình. Theo biên bản xác minh ngày 02/6/2020 về tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Hoài N và ông Nguyễn Như T do đại diện chính quyền địa phương cung cấp:

Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T đôi lúc có xảy mâu thuẫn và hiện tại bà N, ông không còn sống chung với nhau, ông T hiện đang sinh sống tại 125 T S, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng còn bà Nh đang sinh sống cùng con gái tại địa chỉ 123 T S, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng, Từ những nhận định trên:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoài N đối với ông Nguyễn Như T.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Hoài N xác nhận bà và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Bảo N - Sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014. Ly hôn, bà N có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Bảo N cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà N thì thấy, hiện nay con chung còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, bà Nguyễn Hoài N cũng là người có thu nhập ổn định hơn nữa hiện tại cháu Bảo N đang sinh sống với mẹ là bà Nh. Vì vậy, giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà N và áp dụng các Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam xử giao con chung cho bà Nguyễn Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Bà N xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến

[6] Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 56, 58,59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 227, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điều 6 và điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Hoài N đối với ông Nguyễn Như T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Hoài N được ly hôn ông Nguyễn Như T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Thị Bảo N - Sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014 cho bà Nguyễn Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Như T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung hai bên đều có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000898 ngày 27 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Báo cho bà Nguyễn Hoài N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng ông Nguyễn Như T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- UBND phường Hòa Thọ Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phùng Văn Nhớ